

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Số: 42/QĐ - VKS

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2023

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trong Ngành,

Trên cơ sở dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong ngành Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *nhc*

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VP, KT.



Dinh Gia Hưng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-VKS ngày 10/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị dự toán cấp III	Tổng số được giao	Quản lý hành chính			Sự nghiệp giáo dục đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ công chức	Hỗ trợ đào tạo sau đại học
			Loại 340-341	Trong đó				
				Tự chủ	Không tự chủ			
	Tổng cộng Sóc Trăng	18.573.800.000	18.326.300.000	10.921.800.000	7.404.500.000	247.500.000		
1	Văn phòng Viện KSNĐ tỉnh ST	11.550.500.000	11.303.000.000	4.173.000.000	7.130.000.000	247.500.000		
2	Viện KSNĐ thành phố Sóc Trăng	975.700.000	975.700.000	938.200.000	37.500.000			
3	Viện KSNĐ thị xã Vĩnh Châu	713.600.000	713.600.000	688.100.000	25.500.000			
4	Viện KSNĐ huyện Trần Đề	627.400.000	627.400.000	603.900.000	23.500.000			
5	Viện KSNĐ huyện Thạnh Trị	553.500.000	553.500.000	532.000.000	21.500.000			
6	Viện KSNĐ thị xã Ngã Năm	635.700.000	635.700.000	612.200.000	23.500.000			
7	Viện KSNĐ huyện Mỹ Xuyên	565.500.000	565.500.000	540.000.000	25.500.000			
8	Viện KSNĐ huyện Mỹ Tú	553.500.000	553.500.000	532.000.000	21.500.000			
9	Viện KSNĐ huyện Long Phú	641.200.000	641.200.000	617.700.000	23.500.000			
10	Viện KSNĐ huyện Kế Sách	643.200.000	643.200.000	617.700.000	25.500.000			
11	Viện KSNĐ huyện Cù Lao Dung	555.500.000	555.500.000	532.000.000	23.500.000			
12	Viện KSNĐ huyện Châu Thành	558.500.000	558.500.000	535.000.000	23.500.000			

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Sóc Trăng, ngày 10 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Mã chương: 004

**ĐƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-VKS ngày 10/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
	Lệ phí A		
	Lệ phí B		
3.2	Phí		
	Phí A		
	Phí B		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.573.800.000	18.573.800.000
1	Chi quản lý hành chính	18.326.300.000	18.326.300.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.921.800.000	10.921.800.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.404.500.000	7.404.500.000
2	Nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	247.500.000	247.500.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	247.500.000	247.500.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi hoạt động kinh tế		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
11	Chi Chương trình mục tiêu		
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)		
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Handwritten signature)

Lương Văn Hòa

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ^{lúc}



(Handwritten signature)

Dinh Gia Hưng